

<p>- Hãy so sánh giá trị của hai biểu thức này?</p> <p>- Ghi bảng:  <math>7 \times 5 = 5 \times 7</math></p> <p>- Các con hãy quan sát, nhận xét về các thừa số trong phép nhân?</p> <p>- Dựa vào cách viết trên, hãy lấy ví dụ giống như ví dụ trên?</p> <p>- 2 phép nhân có thừa số giống nhau thì sẽ có kết quả như thế nào?</p> <p>- GV chốt: Hai phép nhân có thừa số giống nhau thì luôn bằng nhau.</p> <p>- Cô có biểu thức <math>a \times b</math> và <math>b \times a</math>, theo con, giá trị của 2 biểu thức này như thế nào với nhau?</p> <p>- GV treo bảng phụ:</p> <p>b) So sánh giá trị của hai biểu thức <math>a \times b</math> và <math>b \times a</math> trong bảng sau:</p> <table border="1" style="margin: 10px auto;"> <thead> <tr> <th>a</th> <th>b</th> <th><math>a \times b</math></th> <th><math>b \times a</math></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>4</td> <td>8</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>7</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>4</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>- GV giới thiệu về bảng và giải thích 4 cột.</p> <p>- a có những giá trị nào?</p> <p>- b có những giá trị nào?</p> <p>- Ta cần phải tính giá trị của những biểu thức nào?</p> <p>- Với <math>a = 4; b = 8</math> thì <math>a \times b</math> bằng bao nhiêu?</p> <p>- Vì sao con biết bằng 32?</p> <p>- Vẫn với <math>a = 4; b = 8</math> thì <math>b \times a</math> bằng bao</p>	a	b	$a \times b$	$b \times a$	4	8			6	7			5	4			<p>- 1 HS trả lời- Nhận xét: 2 biểu thức có giá trị bằng nhau.</p> <p>- 2 HS trả lời- Nhận xét: Có 2 thừa số giống nhau là 5 và 7.</p> <p>- 2 HS lấy VD: <math>3 \times 4 = 4 \times 3;</math>  <math>2 \times 6 = 6 \times 2</math></p> <p>- 2 HS trả lời- Nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- 2 HS trả lời.</p> <p>- HS quan sát.</p> <p>- 2 HS nêu yêu cầu phần b.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- 1 HS trả lời: a là 4; 6; 5.</p> <p>- 1 HS trả lời: b là 8; 7; 4.</p> <p>- 2 HS trả lời: tính giá trị của biểu thức: <math>a \times b</math> và <math>b \times a</math>.</p> <p>- 1 HS trả lời: bằng 32.</p> <p>- 1 HS trả lời: lấy <math>4 \times 8 = 32</math>.</p> <p>- 1 HS trả lời- nhận xét.</p>
a	b	$a \times b$	$b \times a$														
4	8																
6	7																
5	4																

<p>nhiều?</p> <p>- Các con hãy so sánh giá trị của biểu thức <math>a \times b</math> với giá trị của biểu thức <math>b \times a</math> khi <math>a = 4; b = 8</math>?</p> <p>- Với <math>a = 6; b = 7</math>, giá trị biểu thức <math>a \times b</math> và <math>b \times a</math> như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>- Với <math>a = 5</math> và <math>b = 4</math>, tính giá trị của biểu thức <math>a \times b</math> và giá trị của biểu thức <math>b \times a</math>.</p> <p>- Giá trị của biểu thức <math>a \times b</math> và của <math>b \times a</math> luôn luôn như thế nào?</p> <p>- Ghi bảng:</p> <p>+ Ta thấy giá trị của <math>a \times b</math> và của <math>b \times a</math> luôn luôn bằng nhau, ta viết:</p> $a \times b = b \times a$ <p>- Nhìn vào 2 biểu thức <math>a \times b</math> và <math>b \times a</math> em có nhận xét gì về các thừa số?</p> <p>- Khi đổi chỗ các thừa số của tích <math>a \times b</math> cho nhau thì ta được tích nào?</p> <p>- Khi đó giá trị của <math>a \times b</math> có thay đổi không?</p> <p>- Khi đổi chỗ các thừa số trong 1 tích thì tích đó như thế nào?</p> <p>- Ghi nhớ: <i>Khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích không thay đổi.</i></p> <p><b>c) Hướng dẫn HS làm bài tập ( 9' ): </b></p> <p><b><u>Bài 1.</u></b> Viết số thích hợp vào ô trống:</p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- Các con hãy làm việc cá nhân với thời</p>	<p>- 2 HS trả lời- Nhận xét.</p> <p>- 2 HS trả lời- Nhận xét: <math>a \times b</math> và <math>b \times a</math> và đều bằng 42.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm- lớp quan sát, nhận xét.</p> <p>- 2 HS trả lời- Nhận xét.</p> <p>- 2 HS đọc.</p> <p>- 1 HS trả lời.</p> <p>- 1 HS trả lời- nhận xét: được tích <math>b \times a</math>.</p> <p>- 1 HS trả lời: không thay đổi.</p> <p>- 2 HS trả lời- nhận xét.</p> <p>- 2 HS nhắc lại.</p> <p>- 1 HS đọc yêu cầu và nội dung bài 1.</p> <p>- 1 HS trả lời.</p> <p>- Lớp làm phiếu học tập - 1 HS lên bảng</p>
---	--

<p>gian 3 phút.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS giải thích biểu thức 1 phần a và biểu thức 2 phần b.</li> <li>- Con dựa vào đâu mà con điền được số 9.</li> </ul> <p>- Cùng cố tính chất giao hoán của phép nhân.</p> <p><b><u>Bài 2( a, b):</u></b> Tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi bảng:</li> <li>a) <math>1357 \times 5</math>                      b) <math>40263 \times 7</math>  <math>7 \times 853</math>                              <math>5 \times 1326</math></li> <li>- Để thực hiện phép tính <math>1357 \times 5</math>, ta làm như thế nào?</li> <li>- Với phép tính <math>7 \times 853</math>, con sẽ làm như thế nào?</li> <li>- GV hướng dẫn HS vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để đặt tính và thực hiện.</li> <li>- GV nhận xét vở.</li> <li>- Cùng cố cách đặt tính và tính của phép tính: <math>5 \times 1326</math>.</li> <li>- Con đã vận dụng tính chất gì của phép nhân để thực hiện phép tính này?</li> <li>- Khi thực hiện phép nhân với số có một chữ số, ta làm như thế nào?</li> <li>- Trong phạm vi tiết học này, với phần c</li> </ul>	<p>phiếu to.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- 1 HS trả lời: Dựa vào tính chất giao hoán của phép nhân.</li> <li>- 2 HS nêu tính chất giao hoán của phép nhân- nhận xét.</li> <li>- 1 HS đọc yêu cầu.</li> <li>- 1 HS trả lời: Đặt tính và tính.</li> <li>- 1 HS trả lời- nhận xét.</li> <li>- 4 HS lên bảng thực hiện, lớp thực hiện vào vở.</li> <li>- 1 HS nêu cách đặt tính và cách tính- nhận xét.</li> <li>- 1 HS trả lời: Tính chất giao hoán- Nhận xét.</li> <li>- 1 HS trả lời: Ta đặt tính rồi tính.</li> </ul>
--	--

<p>bài 2 và bài 3; 4 chúng ta sẽ hoàn thành ở buổi học thứ 2 nhé.</p> <p>* <i>Chơi trò chơi:</i> Bí mật sau hoa.</p> <p>- Hướng dẫn cách chơi: Trò chơi có 4 biểu thức, mỗi biểu thức lại có 1 thừa số ẩn dưới mỗi bông hoa, nhiệm vụ của các con hãy vận dụng kiến thức đã học để tìm ra bí mật sau mỗi bông hoa.</p> <p>- Con đã vận dụng kiến thức nào để tìm được bí mật sau mỗi bông hoa?</p> <p><b>3. Cũng cố dặn dò ( 5' ):</b></p> <p>- Các con học bài gì?</p> <p>- Nêu tính chất giao hoán của phép nhân.</p> <p>- GV nhận xét tiết học, dặn dò HS.</p>	<p>- Lớp lắng nghe.</p> <p>- 2 HS trả lời: Tính chất giao hoán của phép nhân.</p> <p>- 2 HS trả lời.</p> <p>- 1 HS nêu.</p>
---	---